

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HN-ST
Ngày: 26/4/2024
V/v “Yêu cầu ly hôn, nuôi
con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Hữu Phước.
2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Linh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2024 về việc “Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh P, sinh năm 1985 (có mặt).
Địa chỉ: số H ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984 (có mặt).
Địa chỉ: số A ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/02/2024, biên bản hòa giải ngày 04/4/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thanh P trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L cưới nhau năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M (huyện B, tỉnh Bến Tre) vào ngày 08/11/2021, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng đời sống vợ chồng sau sinh con. Do căn cước công dân chị bị sai nên chị phải trở về huyện C để lấy giấy khai sinh điều chỉnh căn cước công dân thì bị tai nạn giao thông nên phải ở lại huyện C để dưỡng bệnh nhưng anh L vẫn không qua thăm chị. Đến ngày 29/11/2022, vì thương con nên chị cũng trở về tiếp tục sống với anh L nhưng vẫn không hạnh phúc. Đến tháng 5/2023, chị về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh L đến

nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị cũng không tới lui để hàn gắn. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn với anh L, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 29/9/2021 và cháu Nguyễn Phương H, sinh ngày 17/01/2024 hiện đang sống với chị. Nay ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1, cháu H và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai đề ngày 04/4/2024, biên bản hòa giải ngày 04/4/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Văn L trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thông nhất với lời trình bày của chị P về thời gian cưới nhau, nơi đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Tuy nhiên, nguyên nhân anh không đến thăm chị P được khi chị bị tai nạn giao thông là do anh đang nuôi con cháu Nguyễn Tấn L1 còn nhỏ. Anh cũng có điện thoại khuyên chị P trở về và chị P cũng đồng ý trở về nhưng vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng anh cũng không tới lui để hàn gắn. Nay anh cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị P nữa, mục đích hôn nhân của anh với chị P cũng không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh thông nhất với lời trình bày của chị P là vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 29/9/2021 và cháu Nguyễn Phương H, sinh ngày 17/01/2024 hiện nay đang sống với chị P. Nay ly hôn, anh yêu cầu trực tiếp nuôi cháu L1 và để cháu H cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con và cũng không tự nguyện cấp dưỡng để chị P nuôi con. Nếu Hội đồng xét xử để cháu L1, cháu H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng thì anh cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thanh P và anh Nguyễn Văn L. Về con chung: Để cháu Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 29/9/2021; cháu Nguyễn Phương H, sinh ngày 17/01/2024 cho chị P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự nguyện của chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thanh P và anh Nguyễn Văn L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị P và anh L sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng cũng giải quyết được mâu thuẫn rồi tiếp tục chung sống với nhau. Tuy nhiên, vợ chồng anh chị cũng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và ngày thêm trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị cũng không có tới lui để tạo cơ hội hàn gắn được. Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị P và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn với nhau, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nữa nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện ly hôn của chị P, anh L là phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2] Về con chung: Cháu Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 29/9/2021 và cháu Nguyễn Phương H, sinh ngày 17/01/2024. Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn L về việc yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 29/9/2021; Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị P, anh L sống ly thân thì cháu L1, cháu H vẫn do chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, anh L cũng không có chứng cứ chứng minh hiện nay chị P không đủ điều kiện nuôi cháu L1, cháu H. Hơn nữa, cháu L1 và cháu H đều chưa đủ 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết để cháu L1, cháu H cho chị P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thanh P và anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thanh P có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 29/9/2021 và cháu Nguyễn Phương H, sinh ngày 17/01/2024. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004128 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí, chị P đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Văn L biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Vũ